

Bản án số 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2024.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cẩm Thị Đoa.
2. Bà Hoàng Thị Hội.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Nga, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tiểu khu 26/7, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tiểu khu 26/7, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 12/10/2023, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị H kết hôn với nhau vào ngày 25/9/2017. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh được bố mẹ chị H cho mượn nhà ở riêng.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh T đã thuê nhà ở riêng từ đó không ai đi lại thăm hỏi nhau nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của anh T xin được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Trong quá trình sinh sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 16/7/2019, từ khi ra ở riêng và ly thân anh đưa cháu Nhiên đi cùng và hiện nay cháu Nhiên đang ở cùng anh. Nguyện vọng sau khi ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhiên.

Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung: Không có gì.

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Về án phí anh T xin nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 16/7/2019 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chi án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, anh Nguyễn Văn T đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn anh T đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với tiểu khu Trưởng tiểu khu 26/7 thị trấn Nông Trường Mộc Châu và bố đẻ chị Nguyễn Thị Thanh H được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã được Ban quản lý tiểu khu giao bố mẹ chị H nhận đúng thời gian quy định.

Xác minh với bố đẻ chị H được biết.

Sau khi anh T và chị H kết hôn với nhau, ông bà có cho anh T chị H mượn nhà của ông bà để ở. Cuộc sống chung của anh T và chị H hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không tu chí làm ăn chăm sóc gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, gia đình ông cũng đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H không sửa chữa.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải Ban quản lý tiểu khu đã giao ông và ông đã giao cho chị H. Còn việc chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc thì ông không biết.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Đến thời điểm hiện tại không thấy ai đến đòi nợ anh T và chị H.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau từ ngày 25/9/2017, có được tìm hiểu việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh T và chị H được bố mẹ chị H cho mượn nhà để ở, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do không cải thiện được quan hệ gia đình hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022, anh T đã thuê nhà ra ở, từ đó không ai qua lại thăm hỏi nhau nữa.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không T kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T và xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 16/7/2019. Từ khi anh T và chị H sống ly thân, cháu Nhiên vẫn do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không có trách nhiệm gì.

Do đó giao cháu Nguyễn An N cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Nguyễn Văn T xác định anh và chị H không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 16/7/2019 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh nên không đề cập việc giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000416 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND TTNT Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

